

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
BAN HÀNH QUY CHẾ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
Điểm c khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15 (trách nhiệm của HĐND ban hành và tổ chức thực hiện quy chế bảo vệ BMNN của đơn vị)	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Quy chế này quy định bí mật nhà nước, hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau. 2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ bí mật nhà nước.	Xác định rõ phạm vi điều chỉnh riêng cho hoạt động của HĐND tỉnh, không trùng lặp với quy chế của UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị khác; dẫn chiếu áp dụng pháp luật hiện hành đối với nội dung Quy chế không quy định để bảo đảm đầy đủ, không bỏ sót.
	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.	Liệt kê đầy đủ các chủ thể theo đúng cơ cấu tổ chức bộ máy hiện hành của HĐND tỉnh và các cơ quan, đơn vị tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước của HĐND, bảo đảm không bỏ sót đối tượng chịu trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước.
Điều 3 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15 (nguyên tắc chung); Điều 19 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số	Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước 1. Bảo vệ bí mật nhà nước phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi	Bám sát nguyên tắc chung của Luật, đồng thời cụ thể hóa gắn với đặc thù tổ chức hoạt động của HĐND tỉnh, đề cao trách nhiệm của Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND; bảo đảm sự hài hòa giữa yêu

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
117/2025/QH15 (thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước).	ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. 2. Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh là trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau. 3. Việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh phải bảo đảm đúng mục đích, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này. 4. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh. 5. Bí mật nhà nước được bảo vệ theo thời hạn quy định tại Điều 19 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật.	cầu bảo mật và quyền tiếp cận thông tin của công dân.
Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15 (các hành vi bị nghiêm cấm).	Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước 1. Xác định bí mật nhà nước đối với thông tin không thuộc danh mục bí mật nhà nước. 2. Soạn thảo, lưu giữ tài liệu bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đang kết nối với mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập), mạng Internet, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu và quy định khác của pháp luật có liên quan. 3. Làm lộ, chiếm đoạt, mua, bán bí mật nhà nước; làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.	Cụ thể hóa đầy đủ các hành vi nghiêm cấm theo Luật, phù hợp bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND tỉnh. Liệt kê 10 nhóm hành vi bị nghiêm cấm: xác định sai bí mật nhà nước; soạn thảo, lưu giữ trên thiết bị kết nối mạng; làm lộ, chiếm đoạt, mua bán; thu thập, chuyển giao trái phép; mang ra khỏi nơi lưu giữ trái phép; lợi dụng để che giấu vi phạm; truyền đưa trái phép trên mạng; dùng máy tính chưa bảo

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	4. Thu thập, trao đổi, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước trái pháp luật; sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận, thu hồi, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trái pháp luật. 5. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ trái pháp luật. 6. Lợi dụng, lạm dụng việc bảo vệ bí mật nhà nước, sử dụng bí mật nhà nước để thực hiện, che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp hoặc cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân. 7. Truyền đưa bí mật nhà nước trên mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập), mạng Internet, mạng viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan. 8. Sử dụng máy tính, thiết bị khác để soạn thảo, lưu giữ tài liệu bí mật nhà nước khi chưa bảo đảm an ninh, an toàn, phòng, chống xâm phạm bí mật nhà nước. 9. Sử dụng thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước dưới mọi hình thức khi chưa được người có thẩm quyền cho phép. 10. Sử dụng trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ mới để xâm phạm bí mật nhà nước; đăng tải bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên mạng Internet, mạng viễn thông.	đảm an toàn; dùng thiết bị ghi âm, ghi hình trái phép trong họp mật; dùng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo xâm phạm hoặc đăng tải, phát tán bí mật nhà nước.
Điều 3 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP; danh mục bí mật nhà nước do Thủ	Điều 5. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước 1. Việc xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà	Căn cứ danh mục bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành và quy định của Luật; nếu tài liệu có nhiều độ mật thì xác

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
tướng Chính phủ ban hành theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15.	nước phải căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước thuộc các lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ ban hành và quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15. Trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác thì phải xác định độ mật tương ứng theo danh mục bí mật nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ quyết định; nếu trong cùng tài liệu có nhiều độ mật thì xác định theo độ mật cao nhất. 2. Thẩm quyền xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, phạm vi lưu hành của bí mật nhà nước như sau: a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, phạm vi lưu hành của bí mật nhà nước đối với các văn bản, tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước do Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hoặc tạo ra trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ; b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, phạm vi lưu hành của bí mật nhà nước do các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh (theo lĩnh vực phụ trách) ban hành hoặc tạo ra trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát, thẩm tra; c) Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, phạm vi lưu hành của bí mật nhà nước đối với các văn bản do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.	định theo độ mật cao nhất. Phân cấp thẩm quyền xác định bí mật nhà nước theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền ban hành văn bản của từng chủ thể trong bộ máy HĐND tỉnh (HĐND, Thường trực, các Ban HĐND, Văn phòng), bảo đảm rõ người, rõ việc, tránh chồng chéo. Người có thẩm quyền xác định đồng thời có thẩm quyền ký văn bản bí mật nhà nước, văn bản điện tử bí mật nhà nước.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	3. Người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước, độ mật, phạm vi lưu hành của bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều này có thẩm quyền ký văn bản bí mật nhà nước, văn bản điện tử bí mật nhà nước. 4. Độ mật của bí mật nhà nước được thể hiện bằng dấu chỉ độ mật, văn bản xác định độ mật hoặc hình thức khác phù hợp với hình thức chứa bí mật nhà nước. Mẫu dấu chỉ độ mật, mẫu văn bản xác định độ mật của vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc hình thức khác chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định Nghị định số 63/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan. 5. Thủ tục xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.	
Điều 5 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.	Điều 6. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước 1. Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP. 2. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật: Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. 3. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật, bao gồm: a) Người quy định tại khoản 2 Điều này; b) Trưởng Ban, Phó Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; c) Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.	Phân cấp thẩm quyền theo mức độ mật tương ứng với cấp bậc lãnh đạo trong bộ máy HĐND tỉnh, thu hẹp dần từ Tuyệt mật đến Mật để kiểm soát chặt chẽ; quy định cụ thể bộ phận, địa điểm thực hiện phù hợp với thực tế tổ chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Thẩm quyền cho phép theo độ mật: Tuyệt mật - Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; Tối mật - thêm Trưởng/Phó Trưởng Ban, Chánh/Phó Chánh Văn phòng; Mật - thêm Trưởng các phòng thuộc Văn phòng. Chỉ cho phép trong phạm vi quản lý; người

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	4. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật, bao gồm: a) Người quy định tại khoản 3 Điều này; b) Trưởng các phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. 5. Người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này chỉ được cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý. 6. Người được giao thực hiện việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải là cán bộ, công chức làm công tác liên quan đến bí mật nhà nước của các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. 7. Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước a) Việc sao, chụp tài liệu phải lập Phiếu đề xuất sao, chụp trình người có thẩm quyền phê duyệt. Phiếu phải ghi rõ: tên tài liệu, độ mật, số lượng bản sao, nơi nhận; b) Việc sao, chụp phải được ghi vào “Sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước” để quản lý. Chỉ sao, chụp đúng số bản cho phép; người thực hiện sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước có trách nhiệm hủy bỏ ngay bản dư thừa, bản hỏng bảo đảm không thể khôi phục; c) Bản sao, chụp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2026/NĐ-CP có giá trị pháp lý như bản chính, bản gốc; d) Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải tiến hành tại Bộ phận Hành chính – Văn thư của Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;	thực hiện phải là cán bộ, công chức làm công tác liên quan đến BMNN. Quy trình: lập Phiếu đề xuất, ghi Sổ quản lý sao, chụp, hủy bản dư thừa/hỏng; thực hiện tại Bộ phận Hành chính, Văn thư của Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị thuộc Văn phòng; phương tiện không kết nối mạng.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	đ) Phương tiện, thiết bị sử dụng để sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không được kết nối với mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập), mạng Internet, mạng viễn thông, trừ trường hợp thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu và quy định khác của pháp luật có liên quan; e) Việc sao, chụp điện mật được thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu. 8. Mẫu dấu bản sao bí mật nhà nước; mẫu văn bản ghi nhận việc chụp bí mật nhà nước; mẫu sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước; hình thức ký số của người có thẩm quyền trên bản sao văn bản điện tử bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.	
Điều 12 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15.	Điều 7. Thống kê tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước 1. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi tiếp nhận, phát hành phải được thống kê theo trình tự thời gian và độ mật. Mọi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đi và đến phải được đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đi” và “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đến”. 2. Đối với tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến độ “Tuyệt mật” không được ghi trích yếu và chỉ được mở bì khi người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu của cơ quan, tổ chức tiếp nhận bí mật nhà nước cho phép.	Cụ thể hóa cách thức, sổ sách thống kê phù hợp thực tiễn công tác văn thư của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, siết chặt kiểm soát riêng đối với tài liệu độ Tuyệt mật.
Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15.	Điều 8. Lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước 1. Tài liệu bí mật nhà nước phải được phân loại và lưu giữ trong hồ sơ riêng theo trình tự thời gian và độ mật. Phải có bảng thống kê chi tiết đính kèm trong mỗi bì hồ sơ.	Cụ thể hóa điều kiện vật chất, kỹ thuật tối thiểu để bảo quản bí mật nhà nước, phù hợp điều kiện cơ sở vật chất hiện có của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	2. Tài liệu mật phải được cất giữ trong tủ hoặc két sắt có khóa an toàn. Chìa khóa và mã số két phải được quản lý theo quy định bảo mật, không được bàn giao cho người không có trách nhiệm. 3. Thiết bị lưu trữ điện tử bí mật nhà nước phải được bảo vệ bằng biện pháp thích hợp, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trước khi đưa vào sử dụng và cất giữ trong tủ bảo mật, không được để chung với các thiết bị thông thường. 4. Nơi lưu giữ tài liệu bí mật nhà nước phải bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, chống ẩm mốc và có phương án bảo vệ nghiêm ngặt 24/24 giờ.	
Điều 6 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP; Phụ lục III Nghị định số 63/2026/NĐ-CP (mẫu sổ, mẫu dấu).	Điều 9. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước 1. Việc vận chuyển tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước (trừ vận chuyển qua dịch vụ bưu chính) được thực hiện như sau: a) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được chứa, đựng trong thiết bị và bảo quản bằng vật liệu phù hợp, bảo đảm không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển; b) Vận chuyển tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải thực hiện theo nguyên tắc giữ kín, niêm phong. Trong quá trình vận chuyển phải có biện pháp bảo quản, bảo đảm an toàn. Trường hợp vận chuyển tài liệu bí mật nhà nước độ Tuyệt mật hoặc số lượng lớn phải có lực lượng bảo vệ và phương tiện chuyên dụng. c) Người vận chuyển phải có trách nhiệm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho tài liệu bí mật nhà nước trong suốt quá trình vận chuyển, không được đi đến những nơi không liên quan đến nhiệm vụ hoặc để tài liệu bí mật nhà nước trên phương tiện mà	Cụ thể hóa quy trình giao, nhận, vận chuyển tài liệu giấy và văn bản điện tử, phù hợp việc HĐND tỉnh đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chữ ký số; khắc phục nguy cơ lộ, lọt bí mật nhà nước phát sinh từ chuyển đổi số như đã nêu tại Tờ trình. Vận chuyển: giữ kín, niêm phong; có lực lượng bảo vệ, phương tiện chuyên dụng đối với độ Tuyệt mật hoặc số lượng lớn. Giao tài liệu đi: đăng ký sổ/hệ thống điện tử, đóng gói theo quy cách, đóng dấu A/B/C tương ứng độ mật cao nhất; dấu 'Chỉ người có tên mới được bóc bì' nếu gửi đích danh. Nhận tài liệu đến: đăng ký sổ/hệ thống; xử lý các tình huống bì có dấu đặc biệt, phát hiện dấu hiệu bóc mở/tráo đổi/mất/hư hỏng phải lập biên bản, báo cáo, thông báo bên

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	không có người trông giữ. 2. Việc giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đi được quy định như sau: a) Trước khi giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đi phải đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đi” hoặc bằng Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đi độ “Tuyệt mật” không được ghi trích yếu; b) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đi phải làm bì hoặc đóng gói riêng. Giấy làm bì phải dùng loại giấy dai, bền, khó thấm nước, không nhìn thấu qua được; hồ dán phải dính, khó bóc; ngoài bì đóng dấu chữ “A” hoặc “B” hoặc “C” tương ứng với độ mật cao nhất của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước bên trong. Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đi gửi đích danh người có trách nhiệm giải quyết phải đóng dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”. 3. Việc nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến được quy định như sau: a) Sau khi nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến phải đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đến” hoặc bằng Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến độ “Tuyệt mật” không được ghi trích yếu và chỉ được mở bì khi người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu của cơ quan, tổ chức tiếp nhận bí mật nhà nước cho phép; b) Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến mà phong bì có dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”, người nhận vào sổ theo ký hiệu ngoài bì, không được mở bì và phải chuyển	gửi. Vận chuyển qua bưu chính theo pháp luật về bưu chính; tài liệu có dấu 'Tài liệu thu hồi' phải gửi lại đúng thời hạn. Giao, nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước: cấp số, tạo dấu độ mật màu đỏ, ký số người có thẩm quyền và ký số cơ quan; máy tính không kết nối mạng; kiểm tra tính toàn vẹn khi gửi/nhận.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	đến người có tên trên phong bì. Nếu người có tên trên phong bì đi vắng và trên phong bì có thêm dấu “Hỏa tốc” thì chuyển đến người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức giải quyết; c) Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được gửi đến mà không thực hiện đúng quy định về bảo vệ bí mật nhà nước thì chuyển đến người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước hoặc người có tên trên phong bì (đối với trường hợp gửi đích danh) giải quyết, đồng thời phải thông báo nơi gửi biết để có biện pháp khắc phục; d) Trường hợp phát hiện tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gửi đến có dấu hiệu bóc, mở bì hoặc bị tráo đổi, mất, hư hỏng thì bên giao và bên nhận phải lập biên bản ghi nhận sự việc, báo cáo người có thẩm quyền của bên giao, bên nhận biết; đồng thời, thông báo cho bên gửi về việc tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gửi đến có dấu hiệu bóc, mở bì hoặc bị tráo đổi, mất, hư hỏng để phối hợp giải quyết. 4. Vận chuyển tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước qua dịch vụ bưu chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về bưu chính. 5. Nơi gửi và nơi nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải kiểm tra, đối chiếu để kịp thời phát hiện sai sót và có biện pháp xử lý; việc giao, nhận phải được ghi đầy đủ vào sổ theo dõi, người nhận phải ký nhận. Việc giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP. 6. Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước có đóng dấu	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	“Tài liệu thu hồi”, cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã nhận tài liệu bí mật nhà nước phải gửi lại đúng thời hạn ghi trên tài liệu cho cơ quan, tổ chức chủ trì. 7. Mẫu sổ đăng ký bí mật nhà nước đi, mẫu sổ đăng ký bí mật nhà nước đến, mẫu sổ chuyển giao bí mật nhà nước, mẫu dấu ký hiệu độ mật, mẫu dấu tài liệu thu hồi, mẫu dấu chỉ người có tên mới được bóc bì, mẫu dấu bản in văn bản điện tử bí mật nhà nước và mẫu dấu văn bản điện tử bí mật nhà nước đến thực hiện theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 63/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan. 8. Việc gửi, nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước được quy định như sau: a) Văn bản điện tử bí mật nhà nước phải được cấp số, thời gian ban hành, tạo dấu chỉ độ mật màu đỏ trước khi gửi bằng chức năng của Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước (trừ văn bản điện tử bí mật nhà nước được số hóa); b) Văn bản điện tử bí mật nhà nước (trừ văn bản điện tử bí mật nhà nước được số hóa) phải được ký bằng chữ ký số của người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức; c) Máy tính dùng để gửi, nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước không được kết nối với mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập), mạng Internet, mạng viễn thông, trừ trường hợp thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan; d) Bên gửi có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, bảo đảm tính toàn vẹn của văn bản điện tử bí mật nhà nước và được gửi đến đúng bên nhận; đ) Khi nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước, bên nhận phải kiểm tra tính toàn vẹn của văn bản, số lượng văn bản, số trang	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	của mỗi văn bản, tài liệu đính kèm (nếu có), đóng dấu văn bản điện tử bí mật nhà nước đến và đăng ký bằng Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước. Trường hợp phát hiện sai sót, không bảo đảm yêu cầu quy định tại khoản này, bên nhận phải kịp thời phản hồi thông qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước để bên gửi biết, xử lý theo quy định hoặc báo cáo người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức bên nhận giải quyết.	
Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15; Điều 4 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP (quy định về Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước).	Điều 10. Thu hồi văn bản điện tử bí mật nhà nước Việc thu hồi văn bản điện tử bí mật nhà nước (gồm cả dự thảo) được thực hiện như sau: 1. Cơ quan phát hành văn bản điện tử bí mật nhà nước phải tạo dấu “Tài liệu thu hồi” màu đỏ trên hệ thống, xác định rõ thời hạn thu hồi và có trách nhiệm thu hồi trên Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước theo đúng thời hạn. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận văn bản điện tử bí mật nhà nước có dấu “Tài liệu thu hồi” có trách nhiệm: a) Hủy bỏ văn bản điện tử bí mật nhà nước trên Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước theo đúng thời hạn trên dấu “Tài liệu thu hồi” và thông báo cho bên gửi biết qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước; b) Trường hợp văn bản điện tử bí mật nhà nước được tải, lưu giữ trên máy tính hoặc thiết bị khác thì cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận văn bản có trách nhiệm hủy bỏ hoàn toàn văn bản điện tử bí mật nhà nước đang lưu giữ trên máy tính hoặc thiết bị khác đó; c) Trường hợp văn bản điện tử bí mật nhà nước được in ra bản giấy thì cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận văn bản có trách nhiệm	Quy định riêng cho văn bản điện tử (kể cả dự thảo), không để khoảng trống quản lý khi văn bản điện tử được phát hành, tải về, in ấn trên nhiều thiết bị - vấn đề phát sinh trong điều kiện chuyển đổi số. Cơ quan phát hành tạo dấu 'Tài liệu thu hồi' màu đỏ trên hệ thống, xác định thời hạn thu hồi. Bên nhận có trách nhiệm hủy văn bản trên hệ thống, hủy bản lưu trên máy tính/thiết bị khác hoặc gửi lại bản giấy đã in cho bên gửi.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	gửi lại bản giấy cho bên gửi và thông báo bằng văn bản để bên gửi biết.	
Điều 14 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15 .	Điều 11. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước 1. Thẩm quyền cho phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ để phục vụ công tác trong nước, được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước do Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách theo lĩnh vực phân công thực hiện. b) Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trực tiếp tạo lập, tiếp nhận và quản lý hoặc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện. 2. Văn bản xin phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác phải nêu rõ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác; tên loại, trích yếu nội dung, độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; mục đích sử dụng; thời gian, địa điểm công tác; biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước. 3. Trong quá trình mang tài liệu, vật bí mật nhà nước khỏi nơi lưu giữ phục vụ nhiệm vụ được giao, cá nhân phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự an toàn của tài liệu, vật bí mật nhà nước. 4. Khi kết thúc nhiệm vụ, người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng	Phân định rõ hai nhóm thẩm quyền theo chủ thể quản lý tài liệu (HĐND tỉnh và Văn phòng), gắn trách nhiệm cá nhân trong suốt quá trình sử dụng tài liệu ngoài nơi lưu giữ. Thẩm quyền cho phép: Chủ tịch HĐND tỉnh (tài liệu do HĐND quản lý, có thể ủy quyền Phó Chủ tịch phụ trách); Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (tài liệu do Văn phòng quản lý, có thể ủy quyền Phó Chánh Văn phòng). Văn bản xin phép nêu rõ thông tin cá nhân, tài liệu, mục đích, thời gian, địa điểm, biện pháp bảo vệ. Cá nhân chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn tài liệu; khi kết thúc phải báo cáo và bàn giao lại.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	nhân dân về việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước và bàn giao lại tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước cho người trực tiếp quản lý, trừ trường hợp người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ đồng thời là người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước.	
Điều 7 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP	Điều 12. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đi công tác nước ngoài 1. Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước để phục vụ đoàn đi công tác nước ngoài của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt bằng văn bản. 2. Người mang tài liệu bí mật nhà nước phải báo cáo Trưởng đoàn công tác và có phương án bảo vệ nghiêm ngặt (sử dụng cặp bảo mật, kết xách tay chuyên dụng). 3. Nếu có rủi ro lộ, mất thông tin, phải báo cáo ngay cho Trưởng đoàn công tác và đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại để có biện pháp can thiệp kịp thời. 4. Tuyệt đối không được để tài liệu, vật bí mật nhà nước trong hành lý ký gửi khi đi máy bay hoặc để tại phòng khách sạn mà không có người bảo vệ. 5. Khi kết thúc nhiệm vụ, người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đi công tác nước ngoài phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân về việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước và bàn giao lại cho người trực tiếp quản lý, trừ trường hợp người mang tài liệu đồng thời là người trực tiếp quản lý.	Quy định chặt chẽ hơn so với công tác trong nước do rủi ro cao hơn khi ra nước ngoài: yêu cầu phê duyệt ở cấp lãnh đạo cao, phương án bảo vệ chuyên dụng và cơ chế báo cáo khẩn cấp qua đại diện ngoại giao. Phải được Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phê duyệt bằng văn bản. Người mang tài liệu báo cáo Trưởng đoàn, có phương án bảo vệ nghiêm ngặt (cặp bảo mật, kết xách tay chuyên dụng). Có rủi ro lộ, mất phải báo cáo ngay Trưởng đoàn và đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại. Không để trong hành lý ký gửi hoặc phòng khách sạn không có người bảo vệ; kết thúc nhiệm vụ phải báo cáo, bàn giao lại.
Điều 15 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số	Điều 13. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm	Phân cấp thẩm quyền tương tự Điều 6, bảo đảm tính nhất quán trong toàn Quy chế; bổ

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
117/2025/QH15.	vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước 1. Người có thẩm quyền quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh: độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật; b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh: độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật thuộc lĩnh vực phụ trách; c) Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: độ Tối mật và Mật thuộc lĩnh vực phụ trách; d) Trưởng các phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: độ Mật thuộc lĩnh vực phụ trách. 2. Hồ sơ đề nghị a) Cơ quan, tổ chức và người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước có nhu cầu cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước phải gửi văn bản đề nghị đến người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này; b) Văn bản đề nghị phải nêu rõ: tên cơ quan, tổ chức; người đại diện cơ quan, tổ chức (đối với tổ chức); họ và tên; số định danh cá nhân, số hộ chiếu, chứng minh Công an nhân dân hoặc số giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp; địa chỉ liên lạc; vị trí công tác (đối với cá nhân); bí mật nhà nước đề nghị cung cấp, chuyển giao; mục đích sử dụng và cam kết bảo vệ bí mật nhà nước. 3. Nguyên tắc cung cấp, chuyển giao a) Việc cung cấp, chuyển giao không được làm lộ nội dung,	sung yêu cầu về hồ sơ, nguyên tắc để thực hiện thống nhất. Thẩm quyền quyết định theo độ mật và cấp bậc: Chủ tịch HĐND tỉnh (cả 3 độ mật); Phó Chủ tịch (3 độ mật thuộc lĩnh vực phụ trách); Trưởng/Phó Trưởng Ban, Chánh/Phó Chánh Văn phòng (Tối mật, Mật thuộc lĩnh vực phụ trách); Trưởng phòng thuộc Văn phòng (Mật thuộc lĩnh vực phụ trách). Hồ sơ đề nghị nêu rõ thông tin cơ quan/cá nhân, mục đích sử dụng, cam kết bảo vệ bí mật nhà nước. Nguyên tắc không làm lộ nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử; từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	biện pháp nghiệp vụ trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng; b) Trường hợp từ chối cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
Điều 16 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15.	Điều 14. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài 1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. 2. Bí mật nhà nước chỉ được cung cấp, chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ có liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước phải có văn bản gửi cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ liên quan đến bí mật nhà nước. Văn bản đề nghị phải ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, người đại diện cơ quan, tổ chức; quốc tịch, số hộ chiếu, chức vụ của người đại diện (đối với tổ chức); họ và tên; quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân); bí mật nhà nước đề nghị cung cấp, chuyển giao; mục đích sử dụng, cam kết bảo vệ bí mật nhà nước và không cung cấp, chuyển giao cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý của bên cung cấp, chuyển giao. 4. Cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ có liên quan đến bí mật nhà nước	Tập trung thẩm quyền ở cấp lãnh đạo cao nhất (Chủ tịch, Phó Chủ tịch) do tính chất nhạy cảm khi chuyển giao cho yếu tố nước ngoài; quy định rõ kênh tiếp nhận đề nghị qua cơ quan chủ trì hợp tác quốc tế để kiểm soát chặt chẽ. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh quyết định (độ Tối mật, Mật thuộc phạm vi quản lý). Chỉ cung cấp cho đối tượng tham gia chương trình hợp tác quốc tế hoặc thi hành công vụ liên quan trực tiếp. Hồ sơ đề nghị của bên nước ngoài gửi qua cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì chương trình hợp tác/thi hành công vụ; từ chối phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	có trách nhiệm chuyển đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều này đến Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh để quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật thuộc phạm vi quản lý. 5. Trường hợp từ chối cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	
Điều 8 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.	Điều 15. Tổ chức kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước 1. Việc tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, họp các Ban của Hội đồng nhân dân, họp Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung bí mật nhà nước phải được phê duyệt bởi người có thẩm quyền quyết định việc sử dụng nội dung bí mật nhà nước. 2. Thành phần tham dự kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước gồm: đại diện cơ quan, tổ chức hoặc người được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước. 3. Địa điểm tổ chức kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước được tổ chức trong phòng họp kín tại trụ sở làm việc; trường hợp tổ chức ở ngoài trụ sở làm việc, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổ chức kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có trách nhiệm đề nghị Công an tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn trong và ngoài khu vực diễn ra kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp.	Cụ thể hóa quy trình tổ chức các kỳ họp, phiên họp có nội dung mật, gắn trách nhiệm rõ với người chủ trì và người tham dự, huy động phối hợp của Công an tỉnh khi tổ chức ngoài trụ sở. Phải được phê duyệt bởi người có thẩm quyền quyết định sử dụng nội dung BMNN; thành phần tham dự giới hạn người liên quan. Địa điểm: phòng họp kín tại trụ sở; nếu tổ chức ngoài trụ sở phải đề nghị Công an tỉnh kiểm tra an ninh, an toàn. Phương tiện, thiết bị và phương án bảo vệ theo quy định của Nghị định; người chủ trì chịu trách nhiệm, quyết định thu hồi tài liệu sau họp; người tham dự có trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước theo yêu cầu của chủ tọa.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	4. Phương tiện, thiết bị sử dụng trong kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP. 5. Kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước phải có phương án bảo vệ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP. 6. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổ chức kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước có trách nhiệm bảo đảm các yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này. Người chủ trì quyết định việc thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp. 7. Người tham dự kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước có trách nhiệm bảo vệ, sử dụng bí mật nhà nước theo quy định của Quy chế này và theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp hoặc người Chủ trì phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp; người chủ trì kỳ họp, phiên họp, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước chịu trách nhiệm trước Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bảo vệ bí mật nhà nước tại hội nghị, hội thảo, cuộc họp đó.	
Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15; Điều 12 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.	Điều 16. Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước 1. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được tiêu hủy trong các trường hợp sau đây: a) Khi không cần thiết phải lưu giữ và việc tiêu hủy không gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; b) Nếu không tiêu hủy ngay sẽ gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc.	Bảo đảm thống nhất thẩm quyền tiêu hủy với thẩm quyền cho phép sao, chụp tại Điều 6, tránh phát sinh thêm đầu mối phê duyệt. Hai trường hợp tiêu hủy: không cần lưu giữ và việc tiêu hủy không gây nguy hại; hoặc không tiêu hủy ngay sẽ gây nguy hại.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	gia, dân tộc. 2. Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Không để bị lộ, bị mất bí mật nhà nước; b) Quá trình tiêu hủy phải tác động vào tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước làm thay đổi hình dạng, tính năng, tác dụng, nội dung; c) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sau khi tiêu hủy không thể khôi phục hình dạng, tính năng, tác dụng, nội dung. 3. Người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 6 Quy chế này có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. 4. Thủ tục tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15 và Điều 12 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.	Yêu cầu: không để lộ, mất; làm thay đổi hình dạng, tính năng, tác dụng, nội dung; không thể khôi phục sau tiêu hủy. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy theo người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 6 Quy chế.
Điều 25 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15.	Điều 17. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh 1. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế này trong các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh. 2. Chỉ đạo, xử lý theo thẩm quyền và kịp thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý. 3. Chỉ đạo thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi người được phân công quản lý bí mật nhà nước thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, từ trần hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước.	Xác định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo chung của Thường trực HĐND tỉnh - cơ quan thường trực, điều hành hoạt động của HĐND tỉnh giữa hai kỳ họp - đối với toàn bộ công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy định pháp luật và Quy chế. Chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền, kịp thời thông báo cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước. Chỉ đạo thu hồi tài liệu khi người được phân công quản lý thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, từ trần hoặc lý do khác.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
Điều 26 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.	Điều 18. Trách nhiệm các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh 1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình tổ chức các hoạt động theo phạm vi lĩnh vực phụ trách của Ban. 2. Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác bảo mật trong quá trình soạn thảo báo cáo thẩm tra, trong xây dựng nghị quyết chuyên đề và hoạt động giám sát thuộc phạm vi lĩnh vực phụ trách của Ban liên quan đến bí mật nhà nước. 3. Tổ chức giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.	Gắn trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước với chức năng thẩm tra, giám sát đặc thù của từng Ban theo lĩnh vực phụ trách; đồng thời giao thêm vai trò giám sát thực hiện pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.
Điều 26 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.	Điều 19. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh 1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm bảo vệ tuyệt đối bí mật nhà nước mà mình được tiếp cận quá trình thực hiện nhiệm vụ đại biểu theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, các văn bản pháp luật liên quan, theo Quy chế này. 2. Không được sử dụng thông tin bí mật nhà nước để phát ngôn trên báo chí, mạng xã hội hoặc phục vụ lợi ích cá nhân trái pháp luật. 3. Khi thôi làm nhiệm vụ đại biểu, phải bàn giao đầy đủ các tài liệu bí mật nhà nước còn đang lưu giữ cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.	Đại biểu HĐND là người thường xuyên tiếp cận thông tin, tài liệu qua tiếp xúc cử tri, giám sát, thảo luận..., cần quy định riêng để phòng ngừa lộ, lọt qua kênh báo chí, mạng xã hội. Bảo vệ tuyệt đối bí mật nhà nước được tiếp cận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đại biểu. Khi thôi làm nhiệm vụ đại biểu, phải bàn giao đầy đủ tài liệu bí mật nhà nước cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.
Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15; Điều 13	Điều 20. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh 1. Tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức	Quy định vai trò đầu mối, giúp việc trực tiếp và toàn diện của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trong công tác bảo vệ bí mật nhà

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.	thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan về bảo vệ bí mật nhà nước. 2. Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thông báo Công an tỉnh khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý để kịp thời có biện pháp giải quyết. 3. Quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm về công tác văn thư, lưu trữ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15 và Quy chế này. 4. Phân công hoặc tham mưu trình cấp thẩm quyền phân công người thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước (người thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP). 5. Quản lý con dấu bí mật nhà nước và hệ thống máy tính dùng riêng phục vụ soạn thảo văn bản bí mật nhà nước. Thực hiện đóng dấu theo quyết định của người duyệt ký tài liệu bí mật nhà nước và thực hiện các nội dung khác về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 6. Tổ chức thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi người được phân công quản lý bí mật nhà nước thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, từ trần hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước. 7. Tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức	nước, phù hợp chức năng phục vụ, bảo đảm điều kiện hoạt động của HĐND tỉnh. Tham mưu Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo Quy chế và pháp luật liên quan. Phân công/tham mưu phân công người kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Quản lý con dấu bí mật nhà nước và hệ thống máy tính dùng riêng; thực hiện đóng dấu theo quyết định người duyệt ký. Tổ chức thu hồi tài liệu khi cán bộ thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, từ trần. Tham mưu bảo đảm an ninh, an toàn mạng LAN độc lập, máy tính, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo; phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh kiểm tra định kỳ.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn đối với mạng LAN độc lập, máy tính, thiết bị và việc sử dụng trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ mới theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Công an tỉnh định kỳ kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin đối với Hệ thống quản lý văn bản điện tử bí mật nhà nước và máy tính dùng riêng.	
Điều 26 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15.	Điều 21. Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước 1. Người tiếp cận bí mật nhà nước có trách nhiệm sau đây: a) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế này; b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước; c) Sử dụng bí mật nhà nước đúng mục đích; d) Thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước. 2. Người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước có trách nhiệm sau đây: a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Đề xuất người có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp để bảo vệ bí mật nhà nước do mình trực tiếp quản lý; c) Trường hợp phát hiện vi phạm trong hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước thì phải có biện pháp xử lý và báo cáo người có trách nhiệm giải quyết, thông báo cho cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước biết để có biện pháp khắc phục; d) Trước khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc vì lý	Phân định rõ hai nhóm trách nhiệm (người tiếp cận nói chung và người trực tiếp quản lý) để cụ thể hóa trách nhiệm cá nhân, làm cơ sở xử lý khi có vi phạm xảy ra. Người tiếp cận: tuân thủ pháp luật và Quy chế, thực hiện biện pháp bảo vệ, sử dụng đúng mục đích, thực hiện hướng dẫn của cơ quan quản lý. Người trực tiếp quản lý: thêm trách nhiệm đề xuất biện pháp bảo vệ, xử lý và báo cáo khi phát hiện vi phạm, bàn giao và cam kết bảo vệ khi thôi quản lý.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ	THUYẾT MINH
	do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước thì phải bàn giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và cam kết bảo vệ bí mật nhà nước đã quản lý.	
Luật Ngân sách nhà nước.	Điều 22. Kinh phí phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước 1. Kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh do ngân sách Nhà nước bảo đảm. 2. Hằng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác bảo vệ bí mật nhà nước, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự toán, bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.	Quy định rõ nguồn kinh phí và cơ quan có trách nhiệm lập dự toán để bảo đảm tính khả thi khi Quy chế được ban hành, không làm phát sinh thêm biên chế như đã nêu tại Tờ trình.
Điều 14 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.	Điều 23. Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Quy chế. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, tổng hợp, tham mưu Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước gửi Bộ Công an theo thời hạn, nội dung và hình thức quy định tại Điều 14 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.	Bảo đảm thông tin về tình hình bảo vệ bí mật nhà nước được báo cáo kịp thời, đúng quy định.
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nghị quyết của HĐND cấp tỉnh).	Điều 24. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan có liên quan nghiên cứu, tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.	Quy định điều khoản mở để Quy chế được cập nhật kịp thời khi pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước hoặc thực tiễn hoạt động của HĐND tỉnh thay đổi.

